

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BGDĐT ngày tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	3
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	3
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	4
IV. NỘI DUNG	6
V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	14
VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	14
VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	15

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật dành cho học sinh dự bị đại học (sau đây gọi là Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật) được xây dựng trên cơ sở của chương trình môn Giáo dục công dân cấp trung học phổ thông (THPT) thông qua việc hệ thống hóa, củng cố và nâng cao kiến thức về kinh tế, pháp luật ở cấp THPT và tăng cường kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp người học nâng cao ý thức pháp luật, hành vi ứng xử theo pháp luật của người công dân.

Chương trình Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của học sinh; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, giúp học sinh có nhận thức đúng; không thực hiện hành vi bị nghiêm cấm và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân và có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật; xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước...

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật góp phần phát triển nâng cao ở học sinh các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

Chương trình giáo dục Kinh tế và pháp luật cụ thể hoá mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) môn Giáo dục công dân cấp trung học phổ thông giúp học sinh tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học phổ thông: thông qua việc củng cố, trang bị hệ thống kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh phù hợp để không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm; thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kỹ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật góp phần phát triển nâng cao các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu của chương trình giáo dục dành cho học sinh học dự bị đại học.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Các năng lực được hình thành, phát triển nâng cao trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội) là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã nêu trong Chương trình tổng thể. Cụ thể:

Năng lực	Cấp trung học phổ thông
<i>Nhận thức chuẩn mực hành vi</i>	– Hiểu và thực hiện được nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; không thực hiện các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm; thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị. – Hiểu và thực hiện được nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; các chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng và trong hội nhập kinh tế quốc tế.
<i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác</i>	– Nhận thức đúng về hành vi hợp pháp, bất hợp pháp; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. – Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Không thực hiện hành vi bị nghiêm cấm, phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, chuẩn mực pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Năng lực	Cấp trung học phổ thông
<i>Điều chỉnh hành vi</i>	Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, quy định pháp luật trong thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội. – Kiểm soát được tài chính cá nhân; kiểm chế không thực hiện hành vi bị pháp luật cấm. – Kiểm soát được tài chính cá nhân; kiểm chế không thực hiện hành vi bị pháp luật cấm.
<i>Tự nhận thức bản thân</i>	Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, giá trị, khả năng, điều kiện và các quan hệ xã hội của bản thân.
<i>Lập kế hoạch phát triển bản thân</i>	– Tự đặt ra được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện và kế hoạch tài chính phù hợp của bản thân. – Bước đầu biết tạo lập, xây dựng ý tưởng cho một hoạt động kinh doanh nhỏ; lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. – Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân.
<i>Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân</i>	– Thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện các công việc, nhiệm vụ học tập, rèn luyện của bản thân để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra và hướng tới các giá trị xã hội. – Điều chỉnh được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp với cuộc sống thay đổi; khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; lựa chọn được các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.
<i>Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội</i>	– Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Hiến pháp, pháp luật, hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm; quyền và nghĩa vụ công dân; trách nhiệm của thanh niên với tư cách công dân.

Năng lực	Cấp trung học phổ thông
	– Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật và đạo đức đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới.
<i>Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội</i>	– Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề trong đời sống xã hội đương đại liên quan đến đạo đức, pháp luật và kinh tế. – Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế. – Bước đầu đưa ra được quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi. – Tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, các hoạt động phục vụ cộng đồng, các hoạt động tuyên truyền và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.

IV. NỘI DUNG

1. Nội dung khái quát

Nội dung môn giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường dự bị đại học gồm các nội dung học tập bắt buộc và nội dung giáo dục lựa chọn:

1.1. Nội dung học tập bắt buộc, bao gồm các mạch kiến thức cốt lõi của mỗi nội dung học tập bắt buộc, gồm:

Phần Giáo dục kinh tế

Chủ đề 1. Những vấn đề chung của nền kinh tế thị trường

Chủ đề 2. Quản lý nhà nước về kinh tế

Chủ đề 3. Sản xuất kinh doanh và mô hình sản xuất kinh doanh

Chủ đề 4. Hội nhập kinh tế quốc tế

Chủ đề 5. Quản lý tài chính

Phần giáo dục pháp luật

Chủ đề 6. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ đề 7. Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ đề 8. Một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Chủ đề 9. Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế

1.2. Nội dung học tập lựa chọn: là nội dung giáo dục dành cho các cơ sở giáo dục lựa chọn và xây dựng, bao gồm: nội dung tình yêu, hôn nhân; một số vấn đề về pháp luật hình sự; một số vấn đề về pháp luật dân sự; nội dung giáo dục về an toàn giao thông; giáo dục phòng, chống tệ nạn xã hội; giáo dục phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính; ôn tập củng cố hệ thống hóa kiến thức nhằm củng cố, rèn luyện phát triển phẩm chất, năng lực người học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

2. Yêu cầu cần đạt của nội dung học tập bắt buộc

2.1. Phần giáo dục kinh tế

STT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 1. Những vấn đề chung của nền kinh tế thị trường	1. Trình bày được vai trò của các hoạt động kinh tế và các chủ thể tham gia trong nền kinh tế thị trường. 2. Trình bày được khái niệm thị trường, các loại thị trường và chức năng của thị trường. 3. Trình bày được khái niệm cơ chế thị trường; ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. 4. Trình bày được một số vấn đề về cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường, bao gồm: - Khái niệm cạnh tranh; nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

		- Xác định được biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh; phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. - Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung. - Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu. - Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế. - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể. 5. Trình bày được các vấn đề cơ bản của tăng trưởng, phát triển kinh tế, bao gồm: – Xác định được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế; phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. – Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế; mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững. 6. Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế, xã hội trong nền kinh tế thị trường.
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	1. Trình bày được khái niệm ngân sách nhà nước; đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước. 2. Phân biệt được một số loại thuế phổ biến và giải thích được vai trò của thuế; trình bày được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách và pháp luật thuế. 3. Trình bày được các khái niệm bảo hiểm; một số loại hình bảo hiểm và vai trò của bảo hiểm. 4. Trình bày được khái niệm an sinh xã hội; vai trò của an sinh xã hội và một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.

		5. Trình bày được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm; mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm và xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. 6. Trình bày được các khái niệm: lạm phát, thất nghiệp; các loại lạm phát, thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp và hậu quả của lạm phát, thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. 7. Nêu được vai trò quản lý của Nhà nước trong việc đảm bảo an sinh xã hội và kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp. 8. Thực hiện được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách quản lý Nhà nước về kinh tế bằng những việc làm cụ thể và phù hợp
3	Sản xuất kinh doanh và mô hình sản xuất kinh doanh	1. Ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh: – Giải thích được thế nào là ý tưởng kinh doanh; xác định được các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh và tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh - Giải thích được thế nào là cơ hội kinh doanh; xác định và đánh giá các cơ hội kinh doanh. 2. Phân biệt được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mô hình sản xuất kinh doanh. 3. Xác định được quan niệm về đạo đức kinh doanh; các biểu hiện vi phạm đạo đức trong kinh doanh và vai trò của đạo đức kinh doanh. 4. Xác định được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. 5. Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành, bao gồm: - Xây dựng và trình bày được kế hoạch kinh doanh: Vai trò của kế hoạch kinh doanh; nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh, các bước lập kế hoạch kinh doanh;

		- Mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân: Xác định được ý tưởng kinh doanh và phân tích được ý tưởng, cơ hội kinh doanh, năng lực kinh doanh của bản thân; mục tiêu, chiến lược kinh doanh và kế hoạch chi tiết hoạt động và kế hoạch thực hiện hoạt động; Đánh giá cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lý.
4	Hội nhập kinh tế quốc tế	– Trình bày được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế; những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế. – Trình bày được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước và giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia. – Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. – Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế; chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
5	Quản lý tài chính	- Kế hoạch tài chính cá nhân – Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. – Lập và thực hiện được kế hoạch tài chính của cá nhân. - Quản lý thu, chi trong gia đình - Giải thích được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình; vai trò của quản lý thu, chi trong gia đình. – Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình. – Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.
2.2. Phần giáo dục pháp luật		
Chủ đề 6. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		

6.	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cấu trúc, nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); - Trình bày được một số nội dung cơ bản của hiến pháp về các nhóm quyền: chính trị dân sự; kinh tế, văn hóa, xã hội và quyền của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp
7	Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Nêu được khái niệm hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được vị trí, vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Mặt trận tổ quốc Việt Nam. - Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.
8	Một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	1. Quyền bình đẳng của công dân – Trình bày được các quy định cơ bản của pháp luật về:

		+ Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí). + Bình đẳng giới trong các lĩnh vực. + Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. – Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội. – Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. – Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân. 2. Trình bày được một số quyền dân chủ cơ bản của công dân về: + Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội. + Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử. + Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo. + Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc. – Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân. – Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân. 3. Một số quyền tự do cơ bản của công dân Trình bày được một số quy định cơ bản của pháp luật về: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể; Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin; Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
--	--	--

		– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm, hậu quả vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. 4. Trình bày được một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế, gồm: Quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác. – Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp. – Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế. 5. Trình bày được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội, gồm: quyền, nghĩa vụ công dân trong học tập; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; đảm bảo an sinh xã hội; bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hoá, xã hội bằng những hành vi phù hợp. – Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.
9	Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế	1. Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế: khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. 2. Trình bày được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về: + Dân cư, + Lãnh thổ và biên giới quốc gia, + Các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.

		3. Tổ chức Thương mại Thế giới và hợp đồng thương mại quốc tế: Nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); nội dung cơ bản và hình thức của hợp đồng thương mại quốc tế. 4. Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản.
--	--	--

V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, nghĩa là chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Do vậy, giáo viên phải có phương pháp giáo dục phù hợp, cụ thể là:

1. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để học sinh khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống học sinh trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để học sinh tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

2. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...

3. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho học sinh.

4. Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của học sinh về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi học sinh tại thời điểm nhất định trong quá

trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để giáo viên điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với học sinh. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để học sinh được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của học sinh trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của giáo viên, học sinh, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

2. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, đánh giá của phụ huynh học sinh và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

3. Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi học sinh là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

a) Một số thuật ngữ chuyên môn sử dụng trong chương trình

– Giáo dục pháp luật là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch giúp học sinh có ý thức, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật; có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp về pháp luật, trên cơ sở đó hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

– Giáo dục kinh tế là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch giúp học sinh có ý thức và hoạt động kinh tế phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật; có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề

ng nghiệp về kinh tế; trên cơ sở đó hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

3. Thiết bị dạy học

Ngoài các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể, môn Giáo dục công dân cần được trang bị các tư liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc trưng của môn học và điều kiện thực tế như: tranh, ảnh, băng, đĩa, sách và tài liệu tham khảo có nội dung giáo dục về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế và pháp luật; máy chiếu; tivi;...

4. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng thực hiện chương trình trong mỗi năm học: 28 tuần, mỗi tuần có 6 tiết (chưa bao gồm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì), trong đó phần nội dung cốt lõi chiếm 80% thời lượng thực hiện chương trình; 20% thời lượng môn học dành cho nội dung giáo dục tự chọn.

Thời lượng thực hiện nội dung cốt lõi của chương trình: mạch nội dung giáo dục kinh tế chiếm 50%; mạch nội dung giáo dục pháp luật chiếm 50%.